

Bản án số: 05/2020/HC-PT

Ngày: 10-3-2020

*V/v Kiện quyết định hành chính
và thông báo nộp tiền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huân; bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Đào Anh Thái.
Chức vụ: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 16/2019/TLPT-HC ngày 23/12/2019 về việc “*Kiện quyết định hành chính và thông báo nộp tiền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị người khởi kiện kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXPT-HC ngày 04/02/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐ-HPT ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 161 Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T.

Địa chỉ: Số 6, liên gia 31, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

+ Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 90 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 90 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Địa chỉ: 01 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L - Chức vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thống kê của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 01 L, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Lê Đức Sơn, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 161 Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T.

Địa chỉ: Số 6, liên gia 31, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Vũ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án như sau:

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - Ông Đỗ Anh T trình bày:

Năm 1998 ông Y Tong Byă sang nhượng đất nông nghiệp cho ông Vũ Đình N tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.045m² được UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xác nhận ngày 20/3/1998. Ngày 03/02/2005 ông N được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 509047 đối với thửa đất trên, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Sau đó ông N đã tặng cho toàn bộ thửa đất này cho bà Vũ Thị T, được UBND xã E xác nhận ngày 27/4/2005 và được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976184 ngày 17/8/2005 mang tên hộ bà Vũ Thị T.

Năm 2018, hộ bà T lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 72, diện tích 1097,1m² được Sở Tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 501441 ngày 05/7/2018.

Ngày 07/9/2018, hộ bà T tách thửa và tặng cho ông Vũ Đình K thửa đất số 469, diện tích 551,8m², phần diện tích còn lại bà T xin cấp đổi và được Sở tài nguyên môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 059131 ngày 28/9/2018, thửa đất số 470, tờ bản đồ số 72, diện tích 543,3m².

Tháng 11/2018, bà T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất trên (chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở với diện tích 150m²). Ngày 22/11/2018, bà T nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052-TB-CCT ngày 19/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nội dung xác định nghĩa vụ tài chính 100% với tổng số tiền 367.350.000đ phải nộp.

Sau khi nhận được thông báo thuế, bà T không đồng ý bởi vì đất của hộ bà Vũ Thị T có nguồn gốc đất có nhà ở ổn định từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 khi chuyển đổi mục đích thì chỉ phải nộp 50%. Nhưng Chi cục thuế thành phố B xác định phải nộp 100% là chưa đúng với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 4 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số: 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ. Bà T làm đơn khiếu nại lên Chi cục Thuế nhưng Chi cục Thuế vẫn giữ nguyên nội dung Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052-TB-CCT ngày 19/11/2018.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày 19/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B và Quyết định số 356/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế Tp. B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Vũ Thị T. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ngày 12/11/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B gửi phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đến Chi cục thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính của bà Vũ Thị T có nội dung như sau:

+ Thửa đất số 470, tờ bản đồ số 72, địa chỉ tại: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; loại đường/khu vực: Đường Y, đoạn từ cầu E đến hết bưu điện (ngã ba đi thôn 4 Ea Kao). Vị trí thửa đất: Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 2 thuộc khu vực đất ở.

Chiều sâu thửa đất: Vị trí CMD 1 cách mặt đường Y là 16,78m; vị trí CMD 2 cách mặt đường Y 7,40m diện tích thửa đất 545,3 m²; diện tích sử dụng riêng 545,3m²; Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất 150m²; Diện tích trong hạn mức 150m² (theo giấy cam kết ngày 09/10/2018). Nguồn gốc sử dụng đất: Tặng cho quyền sử dụng đất; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm 395,3m²; Đất ở 150m²; Thời hạn sử dụng đất: Ổn định lâu dài.

+ Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 059131 và quyết định số 6919/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 quyết định về việc chuyển mục đích sử dụng đất; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 1843581/PCTTĐC; Quyết định số 6919/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B v/v chuyển mục đích sử dụng đất; Biên bản xác minh thực địa ngày 09/10/2018; Trích bản đồ địa chính ngày 09/10/2018; Tờ khai lệ phí trước bạ, nhà đất ngày 09/10/2018; Tờ khai tiền sử dụng đất ngày 09/10/2018; Giấy cam kết ngày 09/10/2018; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số: LTB 186501-TK0055053/TB-CCT ngày 19/11/2018; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày

19/11/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 059131 của hộ bà Vũ Thị T.

Việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên của bà Vũ Thị T, Chi cục thuế căn cứ trên phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Ngày 26/11/2018, Chi cục thuế thành phố B nhận được đơn khiếu nại đề ngày 24/11/2018 của bà Vũ Thị T. Khiếu nại thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB 1860501-TK0055052-TB-CCT ngày 19/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B.

Ngày 11/01/2019, Chi cục thuế thành phố B đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 356/QĐ-CCT không công nhận nội dung khiếu nại ngày 24/11/2018 của bà Vũ Thị T.

Căn cứ pháp lý: Luật khiếu nại số 02/2011/QH 13 ngày 11/11/2011; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình cá nhân; Căn cứ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ về thu tiền sử dụng đất quy định trình tự xác định, thu nộp tiền sử dụng đất: Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND, ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2015; Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các quyết định của UBND tỉnh.

Căn cứ phiếu chuyển thông tin địa chính số: 1843581/PCTTĐC của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, kèm theo hồ sơ của bà Vũ Thị T được chuyển đến chi cục thuế ngày 12/11/2018. Căn cứ quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn, việc Chi cục thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày 19/11/2018 đối với trường hợp của bà Vũ Thị T là đúng quy định của pháp luật. Chi cục thuế đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B xem xét bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Vũ Thị T.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B - Ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Về nguồn gốc đất thửa đất số 470, tờ bản đồ số 72, diện tích 543,3m²: Năm 1998, ông Y T sang nhượng đất nông nghiệp cho ông Vũ Đình N tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.045 m² được UBND xã E xác nhận ngày 20/3/1998. Ngày 03/02/2005, ông N được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 509047 đối với thửa đất trên, mục đích sử dụng

là đất trồng cây lâu năm. Sau đó ông N đã tặng cho toàn bộ thửa đất này cho bà Vũ Thị T, được UBND xã E xác nhận ngày 27/4/2005 và được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976184 ngày 17/8/2005 cho hộ bà Vũ Thị T.

Năm 2018, hộ bà T lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 72, diện tích 1.097,1m² được Sở Tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 501441 ngày 05/7/2018.

Ngày 07/9/2018, hộ bà T tách thửa và tặng cho ông Vũ Đình K thửa đất số 469, diện tích 551,8m², phần diện tích còn lại bà T xin cấp đổi và được Sở tài nguyên môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 059131 ngày 28/9/2018, thửa đất số 470, tờ bản đồ số 72, diện tích 543,3m².

Tháng 11/2018, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B nhận được hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng thửa đất trên từ phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B.

Căn cứ nguồn gốc đất, căn cứ Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, căn cứ giấy cam kết hạn mức đất ở của bà Vũ Thị T, ngày 12/11/2018, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính với mức thu phải nộp tiền sử dụng đất 150 m2 đất ở, trong hạn mức đối với thửa đất trên là đúng quy định hiện hành.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp thuế và Quyết định giải quyết khiếu nại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã làm đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì thêm.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức Sơn là ông Đỗ Anh T trình bày:

Ông Lê Đức S là chồng của bà Vũ Thị T, ông S thống nhất với nội dung mà ông Đỗ Anh T với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bà T đã trình bày như trên, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy: Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày 19/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B và Quyết định số 356/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng chi cục thuế Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Ngoài ra ông Sơn không có ý kiến gì khác.

Tại bản án số 09/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 98, Điều 99; khoản 3 Điều 108, Điều 170 Luật đất đai; Điểm b khoản 2 điều 5; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử

dụng đất; Điều 4, 5, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Vũ Thị T về việc: Yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày 19/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B và Quyết định số 356/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế Tp. B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị Thùy.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 23/10/2019, bà Vũ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án; Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Năm 1998, ông Y T sang nhượng đất nông nghiệp cho ông Vũ Đình N thửa đất số 51, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.045m², ngày 03/02/2005 ông N được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 509047 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.045m², mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Năm 2005, ông N đã tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho bà Vũ Thị T. Ngày 17/8/2005, hộ bà T được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 976184. Năm 2018, hộ bà T cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 72, diện tích đo đạc thực tế là 1097,1m². Ngày 05/7/2018, hộ bà T được Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 501441.

Ngày 07/9/2018, hộ bà T tách thửa và tặng cho ông Vũ Đình K thửa đất số 469, diện tích 551,8m², phần diện tích còn lại bà T xin cấp đổi và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 059131 ngày 28/9/2018, thửa đất số 470, tờ bản đồ số 72, diện tích 543,3m². Tháng 11/2018, bà T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở với diện tích là 150m² trong tổng diện tích 543,3m².

Bà T cho rằng đối với trường hợp của bà khi làm hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất chỉ phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở và tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao. Đối với trường hợp của bà T thì tại thời điểm ông N được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định mục đích sử dụng đất là “*đất trồng cây lâu năm*”. Sau khi được ông N tặng cho, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các lần cấp đổi lại giấy chứng nhận thì phần diện tích bà T xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất vẫn được xác định là “*đất trồng cây lâu năm*”. Như vậy, khi bà T làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở phải căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển từ đất nông nghiệp được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc Chi cục thuế thành phố B ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày 19/11/2018 và Chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố B đã ban hành Quyết định số 356/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Vũ Thị T – Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB1860501-TK0055052/TB-CCT ngày 19/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B và Quyết định số 356/QĐ-CCT ngày 11/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế Tp. B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0011848 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/005254 ngày 14/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Duy Tuấn